TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 40/**2019/DS-ST
Ngày: 05/11/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân và ông Nguyễn Văn Vy

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Ngọc Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ- Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2019/TLST-DS ngày 25/3/2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên toà số 214/2019/ QĐST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (DBank); địa chỉ: 130 đường P, Phường 3, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ (Quyết định uỷ quyền số 11/QĐ-DAB-HĐQT ngày 24/01/2019), vắng mặt.

Ông Nguyễn Thanh N, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Mai Thúc Loan – Chi nhánh thành phố Huế- Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Địa chỉ: 82 đường M, phường T, thành phố Huế (Quyết định uỷ quyền số 290/QĐ-DAB-PC ngày 23/3/2019), có mặt.

Ông Lê Văn Đ - Chức vụ: Nhân viên khách hàng cá nhân- Phòng giao dịch Mai Thúc Loan - Chi nhánh Huế - Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Địa chỉ: 82 đường M, phường T, thành phố Huế. (Văn bản uỷ quyền ngày 17/9/2019), vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu S. Địa chỉ: 07 đường Đ, phường T, thành phố Huế, vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Ngọc Khánh H. Địa chỉ: 07 đường Đ, phường T, thành phố Huế, vắng mặt.

Ông Nguyễn Ngọc H. Địa chỉ: 07 đường Đ, phường T, thành phố Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Căn cứ theo đơn đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 11/6/2017 và Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp ngày 20/6/2017, thì vào ngày 20/6/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (sau đây viết tắt là DBank) đã cho bà Nguyễn Thị Thu S vay số tiền 20.000.000 đồng; Lãi suất: 9%/năm; Thời hạn vay: 24 tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay: cho vay buôn bán; Biện pháp bảo đảm: tín chấp; Phương thức thanh toán: Bà Thu S có trách nhiệm trả tổng cộng số tiền gốc và lãi gồm 23.600.000 đồng trong vòng 24 tháng; mỗi tháng trả 985.000 đồng, tháng cuối cùng trả 965.000 đồng, thanh toán vào ngày 14 hàng tháng. Thời gian thanh toán bắt đầu từ ngày 14/7/2017. Ngoài ra có chị Nguyễn Ngọc Khánh H là người bảo lãnh trong hợp đồng.

Sau khi ký nhận nợ theo danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 22/6/2017, bà Thu S đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho DBank 12 lần với tổng số tiền 11.820.000 đồng. Từ sau ngày 25/6/2018 cho đến nay, bà Thu S dừng thanh toán. Do bà Nguyễn Thị Thu S vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên số nợ vay còn thiếu đã bị chuyển nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn từ ngày 26/6/2018 . Tính đến ngày 05/11/2019, bà Thu S còn nợ của DBank tổng số tiền gồm 13.118.771 đồng, trong đó nợ gốc: 10.844.000. đồng; nợ lãi trong hạn: 936000 đồng; lãi quá hạn: 1.338.771 đồng.

Nay DBank khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu S, chị Nguyễn Ngọc Khánh H và ông Nguyễn Ngọc H (là chồng của bà S) phải thanh toán cho DBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn tổng cộng là: 13.118.771 đồng và yêu cầu bà S, chị H tiếp tục trả lãi, lãi phát sinh trên số tiền còn lại, theo mức lãi suất hai bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 06/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thu S, chị Nguyễn Ngọc Khánh H, ông Nguyễn Ngọc H không đến Toà án để làm việc, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên toà, bà S, chị H, ông Nguyễn Ngọc H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật , đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán , Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã không thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 466, Khoản 1 Điều 468, Khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của DBank.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu S, chị Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc H liên đới trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm và lãi chậm thanh toán phát sinh đến khi trả dứt nợ.

- Buộc bà S, chị H phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn từ sau ngày xét xử (tính từ ngày 06/11/2019) cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

- Buộc bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: DBank khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thu S, ông Nguyễn Ngọc H, chị Nguyễn Ngọc Khánh H, có địa chỉ tại: 07 đường Đ, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế phải trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bà S, chị H, ông H đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên toà. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà S, chị H, ông H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà S, chị H và ông H không đến làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ là tự chối bỏ thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định. Do đó, căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301442379 đăng ký thay đổi lần thứ 39, ngày 11/9/2015 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì DBank có tư cách pháp nhân, thực hiện hoạt động tín dụng theo khoản 1 Điều 6 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với đơn đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 11/6/2017 và Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp ngày 20/6/2017giữa DBank và bà Thu S, người bảo lãnh chị Nguyễn Ngọc Khánh H, có xác nhận của Hội liên hiệp phụ nữ phường T, thành phố Huế là hợp đồng tín dụng bảo đảm bằng tín chấp theo quy định tại Điều 344 và Điều 345 Bộ luật dân sự, với các điều khoản quy định đều không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại các Điều 385, Điều 398 và Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Về yêu cầu đòi nợ của DBank, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình thực hiện hợp đồng, DBank đã thực hiện đầy đủ phần nghĩa vụ của mình, đã chuyển khoản đủ cho bà S số tiền vay 20.000.000 đồng theo thỏa thuận. Sau khi nhận đủ tiền, phía bà S đã thanh toán cho DBank với tổng số tiền 11.820.000 đồng (trong đó nợ gốc 9.156.000 đồng, nợ lãi 2.664.000 đồng). Từ sau ngày 25/6/2018 cho đến nay, bà S không tiếp tục thanh toán là không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo quy định trong nội dung của hợp đồng. Như vậy, bà S đã vi phạm hợp đồng. Tính đến ngày 05/11/2019, bà S còn nợ và có nghĩa vụ phải trả cho DBank số tiền nợ gốc: 10.844.000. đồng; nợ lãi trong hạn: 936000 đồng; lãi quá hạn: 1.338.771 đồng, tổng cộng là 13.118.771 đồng. Vì vậy, DBank khởi kiện buộc bà S phải trả nợ gốc và lãi với số tiền trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, Điều 282 và Điều 466 Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

Đối với ông Nguyễn Ngọc H là chồng của bà S nên phải chịu trách nhiệm liên đới, có nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng theo các Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, do đó hội đồng xét xử cần buộc ông H cùng với bà S chịu trách nhiệm cùng trả số nợ trên cho DBank.

[2.3] Đối với yêu cầu của DBank về việc buộc bà H thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thấy rằng: Theo văn bản Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn, tại mục 1.1 thể hiện: *"Thông tin người vay: Nguyễn Thị Thu S"*; tại mục 1.2 thể hiện: *"Thông tin người bảo lãnh: Nguyễn Ngọc Khánh H..."*. Về phần cam kết của người bảo lãnh thể hiện: *"Tôi cam kết trong trường hợp bà Nguyễn Thị Thu S không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho DBank, tôi sẽ trả nợ thay cho người vay cho đến khi hết nợ vay tại DBank"*, chị H đã ký tên trong hợp đồng. Như vậy, có cơ sở xác định chị H đã thừa nhận nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản vay của bà S. Do đó, cần áp dụng các Điều 335 và Điều 336 Bộ luật dân sự buộc chị H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ thay cho bà S và ông H trong trường hợp bà S và ông H không trả nợ.

[2.3] Về yêu cầu của DBank buộc bà S, ông H và chị H tiếp tục trả lãi, lãi phát sinh trên số tiền còn lại, theo mức lãi suất hai bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, kể từ ngày 06/11/2019 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ

trả nợ, là có căn cứ theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng và các quy định của pháp luật, phù hợp với hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm gồm 655.938 đồng (sáu trăm năm mươi lăm ngàn chín trăm ba mươi tám đồng).

- DBank không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả tiền tạm ứng án phí gồm 305.000 đồng (Ba trăm lẻ năm nghìn đồng) cho DBank theo biên lai thu tiền số 007946 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227 ; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào các Điều 280; Điều 282; Điều 335; Điều 336; Điều 344; Điều 345; Điều 385; Điều 398; Điều 401; Điều 466; Khoản 1 Điều 468 và Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (DBank).

Buộc bà Nguyễn Thị Thu S và ông Nguyễn Ngọc H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (DBank) số tiền gồm 13.118.771 đồng (trong đó nợ gốc: 10.844.000. đồng; nợ lãi trong hạn: 936000 đồng; lãi quá hạn: 1.338.771 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thu S, ông Nguyễn Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đthì lãi suất mà bà S, ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Thu S và ông Nguyễn Ngọc H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền, thì bà Nguyễn Ngọc Khánh H phải chịu trách nhiệm trả thay đối với khoản tiền mà bà Nguyễn Thị Thu S và ông Nguyễn Ngọc H có trách nhiệm phải trả cho DBank.

[2] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm gồm 655.938 đồng (sáu trăm năm mươi lăm ngàn chín trăm ba mươi tám đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 305.000 đồng (Ba trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 007946 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TTHuế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *Chi cục Thi hành án TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu dán.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế